

servant (n)

/'sɜ:vənt/

người hầu, người giúp việc



service (n)

/'sɜ:vɪs/

dịch vụ, sự phục vụ



soil (n)

/sɔɪl/

đất, đất trồng trọt



speciality (n)

/ˌspeʃɪ'ælətɪ/

đặc sản; chuyên môn



statue (n)

/'stætʃu:/

bức tượng



stilt house (n)

/'stɪlt həʊs/

nhà sàn